

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Pleiku thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Lâm Đồng.

B. Kon Tum.

C. Gia Lai.

D. Đắk Lắk.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

A. Sóc Trăng.

B. Tân An.

C. Phan Thiết.

D. Cà Mau.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

A. Na Mèo.

B. Lào Cai.

C. Tây Trang.

D. Cầu Treo.

Câu 44: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phát triển

A. còn chậm.

B. rất nhanh.

C. rất đa dạng.

D. tập trung cao.

Câu 45: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

A. thác nước.

B. thủy triều.

C. dầu khí.

D. sức gió.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều hồ tiêu trong các tỉnh sau đây?

A. Bạc Liêu.

B. Tây Ninh.

C. Cà Mau.

D. Hậu Giang.

Câu 47: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta khi có bão?

A. Lũ quét.

B. Sóng thần.

C. Lũ nguồn.

D. Ngập mặn.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Đà Nẵng?

A. Sa Huỳnh.

B. Mũi Né.

C. Non Nước.

D. Đại Lãm.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

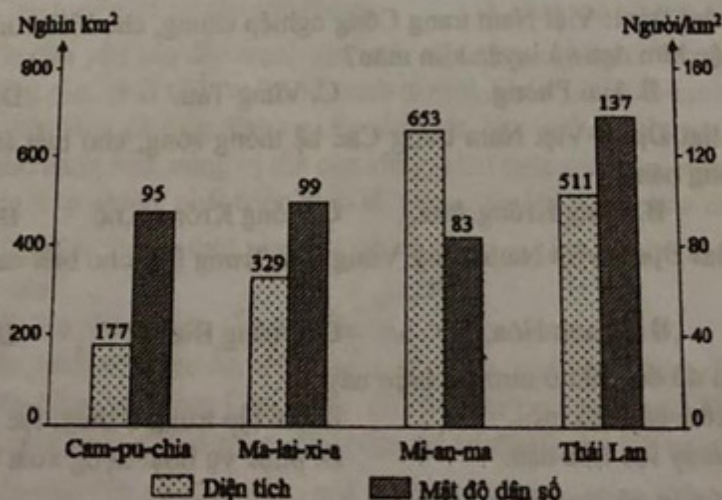
A. Hà Tiên.

B. Bạc Liêu.

C. Vị Thanh.

D. Long Xuyên.

Câu 50: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

A. Mi-an-ma gấp hơn hai lần Ma-lai-xi-a.

B. Mi-an-ma lớn hơn Thái Lan.

C. Thái Lan gấp hơn bốn lần Cam-pu-chia.

D. Cam-pu-chia lớn hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 51: Cho bảng số liệu:
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020
(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- ☒ A. Mi-an-ma thấp hơn Thái Lan.
☐ B. Ma-lai-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin.
☐ C. Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.
☐ D. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía nam núi Phu Pha Phong?

- ☐ A. Phu Luông.
☐ B. Tản Viên.
☐ C. Pha Luông.
☐ D. Chí Linh.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- ☐ A. Nam Định.
☐ B. Huế.
☒ C. Hải Phòng.
☐ D. Vinh.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều chè trong các tỉnh sau đây?

- ☒ A. Hà Giang.
☐ B. Quảng Bình.
☐ C. Vĩnh Long.
☐ D. Bình Định.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- ☒ A. Quảng Nam.
☐ B. Quảng Ngãi.
☐ C. Bình Định.
☐ D. Phú Yên.

Câu 56: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển trồng trọt ở Đông Nam Bộ là

- ☐ A. động đất.
☐ B. sương muối.
☐ C. rét hại.
☒ D. thủy lợi.

Câu 57: Bón phân hữu cơ cho đất trồng ở đồng bằng nước ta là biện pháp để

- ☐ A. ngăn ngập lụt.
☒ B. chống ô nhiễm.
☐ C. tăng độ phì.
☐ D. chống xói mòn.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác sắt?

- ☐ A. Tuyên Quang.
☒ B. Yên Bái.
☐ C. Bắc Kạn.
☐ D. Lai Châu.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- ☐ A. Đà Lạt.
☐ B. Nha Trang.
☒ C. Điện Biên Phủ.
☐ D. Đà Nẵng.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

- ☐ A. Cần Thơ.
☐ B. Hải Phòng.
☐ C. Vũng Tàu.
☒ D. Thái Nguyên.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- ☐ A. Sông Hậu.
☐ B. Sông Krông Ana.
☐ C. Sông Krông Knô.
☐ D. Sông Ia Lốp.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?

- ☐ A. Hà Tĩnh.
☐ B. Thanh Hóa.
☒ C. Quảng Bình.
☐ D. Quảng Trị.

Câu 63: Hoạt động thăm dò dầu khí ở nước ta hiện nay

- ☐ A. thúc đẩy việc tìm kiếm các mỏ mới.
☐ B. chỉ tập trung ở thềm lục địa phía bắc.
☐ C. hình thành các nhà máy lọc hóa dầu.
☐ D. phục vụ hoạt động xuất khẩu dầu thô.

Câu 64: Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta hiện nay

- ☐ A. có hầu hết sản phẩm để xuất khẩu.
☐ B. chủ yếu dựa vào thức ăn tự nhiên.
☐ C. phân bố tập trung ở ven các đô thị.
☐ D. hoàn toàn nhằm mục đích lấy sữa.

Câu 65: Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay

- ☐ A. phần lớn đầu tư nuôi cá nước lợ.
☐ B. tập trung hầu hết ở các đầm phá.
☐ C. phát triển rộng rãi ở nhiều vùng.
☐ D. chỉ tạo sản phẩm cho xuất khẩu.

Câu 66: Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế nước ta hiện nay

- A. tương ứng với quá trình hiện đại hóa.
C. chỉ tập trung ở lĩnh vực công nghiệp.

- B. làm gia tăng tỉ trọng kinh tế tư nhân.
D. hình thành nên khu kinh tế ven biển.

Câu 67: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.
C. tăng cường mở rộng các thành phố.

- B. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.
D. phát triển kinh tế nhiều thành phần.

Câu 68: Tỉ lệ dân thành thị nước ta hiện nay

- A. còn thấp so với thế giới và khu vực.
C. lớn hơn rất nhiều so với nông thôn.

- B. gia tăng đều nhau ở khắp các vùng.
D. không có sự thay đổi qua các năm.

Câu 69: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. các dãy núi hướng vòng cung.
C. gió Mậu dịch thổi quanh năm.

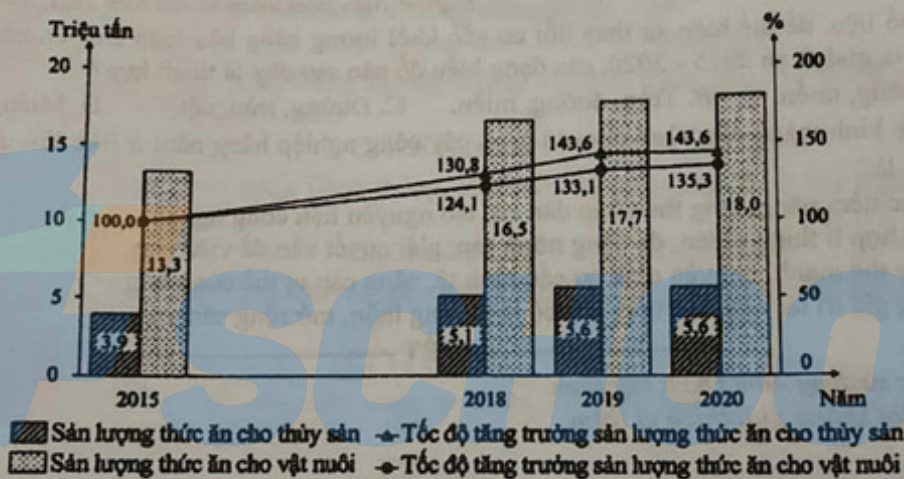
- B. thảm thực vật giàu sức sống.
D. lượng mưa phân bố theo mùa.

Câu 70: Vận chuyển bằng đường ống nước ta hiện nay

- A. phân bố đều khắp ở các vùng kinh tế.
C. có nhiều tuyến nối liền với các nước.

- B. gắn với phát triển của ngành dầu khí.
D. chỉ dùng để vận chuyển khí tự nhiên.

Câu 71: Cho biểu đồ về sản xuất thức ăn cho thủy sản và thức ăn cho vật nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.
C. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.

- B. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
D. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đa dạng nông sản, phát triển mô hình kinh tế mới, khai thác thế mạnh.
B. giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hạn chế nạn du canh.
C. tăng sản xuất hàng hóa, nâng vị thế của vùng, khai thác các tiềm năng.
D. sử dụng hợp lí tự nhiên, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

Câu 73: Vùng Tây Bắc Bộ có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, hướng của địa hình đồi núi, vị trí địa lí.
B. gió đông bắc, khối khí Bắc Ấn Độ Dương đến, gió mùa Tây Nam, địa hình.
C. gió phơn Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, độ cao vùng núi, gió mùa Tây Nam.
D. Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, vị trí địa lí, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả tự nhiên trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. thâm canh, mở rộng diện tích đất trồng trọt.
C. tăng vụ, thúc đẩy sản xuất chuyên môn hóa.
B. sử dụng các giống tốt, đẩy mạnh xuất khẩu.
D. có cơ cấu sản xuất hợp lí, chú ý nước ngọt.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu phát triển cây ăn quả ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nâng cao trình độ lao động, sản xuất trang trại.
C. sử dụng các giống tốt, tăng cường thâm canh.
B. tăng chuyên canh, gắn với thị trường tiêu thụ.
D. mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ mới.

- Câu 76:** Ý nghĩa chủ yếu của đa dạng hóa loại hình du lịch ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A. tạo nhiều sản phẩm, tăng sự hấp dẫn của vùng.
 B. đáp ứng thị trường, khai thác nhiều thể mạnh.
 C. thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
 D. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
- Câu 77:** Trị giá xuất khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do
- A. đô thị mở rộng, chất lượng cuộc sống tăng.
 B. cơ cấu kinh tế thay đổi, có nhiều ngành mới.
 C. sản xuất phát triển, đẩy mạnh công nghiệp.
 D. kinh tế tăng trưởng, hội nhập toàn cầu rộng.
- Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng phòng hộ ở Tây Nguyên là
- A. giữ gìn cảnh quan, duy trì đa dạng sinh học.
 B. góp phần chống lũ, điều hòa nước các sông.
 C. phòng chống xói mòn, mở rộng độ che phủ.
 D. chống sạt lở đất, bảo vệ động vật hoang dã.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020
 (Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	843,3	688,2	1 429,8	1 358,3
Quốc tế	3 198,0	4 955,2	4 788,9	2 203,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Cột, đường, miền.
 B. Tròn, đường, miền.
 C. Đường, tròn, cột.
 D. Miền, cột, tròn.

Câu 80: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. khai thác tiềm năng, tăng thu nhập dân cư, tạo nguyên liệu công nghiệp.
 B. sử dụng hợp lý thiên nhiên, đa dạng nông sản, giải quyết vấn đề việc làm.
 C. phát huy thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
 D. làm tăng giá trị tài nguyên, thay đổi bộ mặt nông thôn, mở rộng sản xuất.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam.
 - Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.